

Tax - Thuế

- Direct Tax (Thuế trực tiếp) và Indirect Tax (Thuế gián tiếp)
- Basic Rate - giá cơ bản của sản phẩm
- Tax Included in Basic Rate - bao gồm thuế suất cơ bản
- Considered In Paid Amount - Được tính vào số tiền được thanh toán
- So sánh giữa "Tax Included in Basic Rate" và "Considered In Paid Amount"
- Tax Amount After Discount Amount - Tiền thuế sau khi áp dụng chiết khấu
- Actual - Giá trị thực tế của sản phẩm
- On Net Total - giá trị của tổng các sản phẩm sau chiết khấu
- On Previous Row Amount - Số tiền của dòng trước đó.
- On Previous Row Total - Tổng giá trị của dòng trước đó
- On Item Quantity - Số lượng mặt hàng
- Sales Taxes and Charges -> Actual: Tính thuế trên giá trị thực tế của sản phẩm
- Sales Taxes and Charges -> On Net Total: Thuế được tính trên tổng giá trị của tất cả các mặt hàng
- Sales Taxes and Charges -> On Previous Row Amount: Thuế được tính dựa trên số tiền của dòng trước
- Sales Taxes and Charges -> On Previous Row Total: Thuế được tính dựa trên tổng giá trị của dòng trước (bao gồm chiết khấu hoặc các phí khác nếu có).
- Sales Taxes and Charges -> On Item Quantity: Thuế được tính dựa trên số lượng sản phẩm bán ra.
- On Previous Row Amount và On Previous Row Total
- Ví dụ thực tế : Sales Taxes and Charges
- Apply Tax Withholding Amount - Thuế khấu trừ tại nguồn
- Tax Deducted at Source(TDS) - Thuế Khấu Trừ tại Nguồn
- Advance Taxes and Charges - Thuế và chi phí liên quan đến các khoản tiền tạm ứng
- Được tính vào số tiền đã thanh toán(Considered In Paid Amount)

Direct Tax (Thuế trực tiếp) và Indirect Tax (Thuế gián tiếp)

Trong **VHTerp**, thuế được phân thành hai loại chính: **Direct Tax (Thuế trực tiếp)** và **Indirect Tax (Thuế gián tiếp)**. Đây là các khái niệm quen thuộc trong kế toán và quản lý thuế.

1. Thuế Trực Tiếp (Direct Tax)

- Định nghĩa:** Đây là loại thuế được áp trực tiếp lên thu nhập hoặc tài sản của một cá nhân hoặc tổ chức, và người chịu thuế là người phải nộp thuế cho cơ quan thuế.
- Đặc điểm:**
 - Không thể chuyển nghĩa vụ nộp thuế sang người khác.
 - Được tính dựa trên thu nhập, lợi nhuận, hoặc tài sản.
 - Thường áp dụng ở cấp quốc gia hoặc địa phương.
- Ví dụ:**
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp (Corporate Income Tax).**
 - Thuế thu nhập cá nhân (Personal Income Tax).**
 - Thuế bất động sản (Property Tax).**

2. Thuế Gián Tiếp (Indirect Tax)

- Định nghĩa:** Đây là loại thuế được áp lên hàng hóa hoặc dịch vụ. Người tiêu dùng cuối cùng chịu thuế này, nhưng nghĩa vụ nộp thuế thuộc về nhà cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ.
- Đặc điểm:**
 - Có thể chuyển nghĩa vụ nộp thuế sang người khác (ví dụ: từ doanh nghiệp sang khách hàng).
 - Tăng giá hàng hóa/dịch vụ để bao gồm phần thuế này.
 - Thường được thu tại điểm bán hàng.
- Ví dụ:**
 - Thuế giá trị gia tăng (VAT/GST).**
 - Thuế tiêu thụ đặc biệt (Excise Tax).**

- **Thuế nhập khẩu/xuất khẩu (Customs Duty).**
-

Thuế trong VHTerp

Trong **VHTerp**, bạn có thể cấu hình và áp dụng cả thuế trực tiếp và thuế gián tiếp:

Cách cấu hình:

1. Tax Templates (Mẫu thuế):

- Dùng để tạo các loại thuế áp dụng cho giao dịch, ví dụ: VAT 10%, VAT 5%, hoặc Corporate Tax 20%.
- Gắn với các hóa đơn (Invoice), đơn hàng (Order), hoặc giao dịch liên quan.

2. Direct Tax:

- Thường được xử lý ở cấp độ sổ sách kế toán, chẳng hạn như khai báo thuế thu nhập doanh nghiệp cuối năm.

3. Indirect Tax:

- Được gắn vào hóa đơn mua (Purchase Invoice) hoặc hóa đơn bán (Sales Invoice) thông qua các trường thuế cụ thể.
-

Ví dụ thực tế trong VHTerp:

Thuế gián tiếp (Indirect Tax):

- Bạn bán một sản phẩm với giá **10.000.000 VND** và VAT 10%.
- **VHTerp** sẽ tính:
 - Tổng số tiền = Giá sản phẩm + Thuế = **10.000.000 + 1.000.000 = 11.000.000 VND**.
 - Ghi nhận khoản VAT vào tài khoản thuế VAT.

Thuế trực tiếp (Direct Tax):

- Bạn có lợi nhuận trong năm là **200.000.000 VND**, với thuế thu nhập doanh nghiệp 20%.
 - **VHTerp** sẽ hỗ trợ bạn tạo bút toán nộp thuế:
 - Khoản thuế phải nộp = **200.000.000 × 20% = 40.000.000 VND**.
 - Ghi nhận khoản nộp thuế này vào tài khoản thuế thu nhập doanh nghiệp.
-

Tóm lại:

- **Direct Tax:** Áp dụng trực tiếp lên người nộp thuế (thu nhập hoặc tài sản).

- **Indirect Tax:** Áp dụng lên hàng hóa/dịch vụ, người tiêu dùng cuối cùng chịu thuế này.

VHTerp giúp tự động hóa việc tính toán và ghi nhận cả hai loại thuế, đảm bảo tuân thủ quy định thuế của Việt Nam hoặc bất kỳ quốc gia nào bạn đang hoạt động.

Basic Rate - giá cơ bản của sản phẩm

Basic Rate trong ngữ cảnh của **VHTerp** thường được hiểu là **giá cơ bản của sản phẩm hoặc dịch vụ**, tức là giá ban đầu trước khi áp dụng bất kỳ thuế, chiết khấu, hoặc các khoản phí khác.

Giải thích chi tiết

1. Basic Rate (Giá cơ bản):

- Là giá trị mà bạn ghi nhận cho một sản phẩm hoặc dịch vụ trong hóa đơn hoặc đơn hàng.
- Giá này có thể:
 - **Đã bao gồm thuế** (nếu chọn "Tax Included in Basic Rate").
 - **Chưa bao gồm thuế** (nếu không chọn "Tax Included in Basic Rate").

2. Vai trò của Basic Rate:

- Là cơ sở để tính toán tổng giá trị hóa đơn hoặc đơn hàng.
 - Được dùng để áp dụng thuế hoặc các chiết khấu.
-

Ví dụ

Trường hợp 1: Basic Rate chưa bao gồm thuế

- Giá cơ bản (Basic Rate) = 1.000.000 VND.
- Thuế VAT 10% = $1.000.000 \times 10\% = 100.000$ VND.
- Tổng giá thanh toán = **1.100.000 VND**.

Trường hợp 2: Basic Rate đã bao gồm thuế

- Giá cơ bản (Basic Rate) = 1.100.000 VND (đã bao gồm VAT 10%).
 - Thuế VAT 10% = $1.100.000 \div (1 + 10\%) = 100.000$ VND.
 - Giá chưa thuế = **1.000.000 VND**.
-

Khi nào sử dụng Basic Rate?

- Khi tạo **Sales Invoice, Purchase Invoice**, hoặc các tài liệu bán hàng, mua hàng khác trong **VHTerp**.
 - Là cơ sở để:
 - Áp dụng thuế (VAT, GST, v.v.).
 - Áp dụng chiết khấu nếu có.
 - Ghi nhận doanh thu hoặc chi phí.
-

Tax Included in Basic Rate - bao gồm thuế suất cơ bản

"**Tax Included in Basic Rate**" trong **VHTerp** không chỉ đơn thuần là "bao gồm thuế suất cơ bản" mà mang một ý nghĩa cụ thể liên quan đến cách tính giá và thuế trong hóa đơn hoặc đơn hàng. Đây là một tùy chọn thường gặp khi cấu hình thuế trong hệ thống.

Giải thích chi tiết

- "**Tax Included in Basic Rate**" có nghĩa là giá trị thuế đã được tích hợp sẵn vào giá bán (Basic Rate) của sản phẩm/dịch vụ.
 - Khi tùy chọn này được bật, **VHTerp** sẽ hiểu rằng **giá bạn nhập vào cho sản phẩm đã bao gồm thuế**. Vì vậy, hệ thống sẽ tự động tính toán ngược để tách thuế ra từ giá đã bao gồm thuế.
-

Ví dụ cụ thể

1. **Không chọn "Tax Included in Basic Rate" (Thuế chưa bao gồm trong giá):**
 - Giá sản phẩm (Basic Rate) = **1.000.000 VND**.
 - Thuế VAT 10% = **$1.000.000 \times 10\% = 100.000$ VND**.
 - Tổng giá thanh toán = **$1.000.000 + 100.000 = 1.100.000$ VND**.
 2. **Chọn "Tax Included in Basic Rate" (Thuế đã bao gồm trong giá):**
 - Giá sản phẩm (Basic Rate) = **1.100.000 VND** (đã bao gồm VAT).
 - Thuế VAT 10% = **$1.100.000 \div (1 + 10\%) = 100.000$ VND**.
 - Giá chưa thuế = **$1.100.000 - 100.000 = 1.000.000$ VND**.
 - Tổng giá thanh toán = **1.100.000 VND**.
-

Mục đích của tùy chọn này

- **Đơn giản hóa giao dịch:** Nếu giá bán của bạn niêm yết công khai (ví dụ: tại cửa hàng hoặc trang web) đã bao gồm thuế, tùy chọn này giúp bạn không phải nhập giá chưa thuế rồi tính thuế riêng lẻ.

- **Tự động hóa quy trình:** Hệ thống sẽ tự động tách và ghi nhận thuế vào tài khoản thuế mà không cần tính tay.
-

Khi nào sử dụng?

- Sử dụng nếu doanh nghiệp của bạn **niêm yết giá bán đã bao gồm thuế** để tiện lợi cho khách hàng.
 - Phù hợp với các ngành như bán lẻ, nơi giá trên sản phẩm thường đã bao gồm VAT/GST.
-

Lưu ý

- Nếu bạn bật tùy chọn này, hãy đảm bảo rằng giá niêm yết của sản phẩm đã bao gồm thuế để tránh nhầm lẫn.
- Kiểm tra cách cấu hình thuế và tài khoản thuế để đảm bảo hệ thống ghi nhận đúng số liệu kế toán.

Considered In Paid Amount - Được tính vào số tiền được thanh toán

Tùy chọn "**Considered In Paid Amount**" trong **VHTerp** có ý nghĩa cụ thể liên quan đến cách hệ thống xử lý thuế khi ghi nhận các khoản thanh toán (Payment Entry).

Giải thích

- Nếu "**Considered In Paid Amount**" được chọn:
 - Số tiền thuế sẽ được coi là đã được bao gồm trong **Paid Amount** (Số tiền thanh toán) khi thực hiện Payment Entry.
 - Điều này có nghĩa là khi bạn ghi nhận một khoản thanh toán từ khách hàng hoặc thực hiện thanh toán cho nhà cung cấp, số tiền đã trả bao gồm cả thuế và hệ thống sẽ tự động phân bổ số tiền đó, bao gồm cả phần thuế.
- Nếu "**Considered In Paid Amount**" **không** được chọn:
 - Số tiền thuế sẽ không được coi là một phần của **Paid Amount**.
 - Trong trường hợp này, bạn cần tách riêng số tiền thuế ra và xử lý nó như một khoản riêng biệt trong sổ sách kế toán.

Ví dụ minh họa

1. Có chọn "**Considered In Paid Amount**":

- Hóa đơn (Invoice):
 - Tổng cộng: 1,100 VND (bao gồm 1,000 VND tiền hàng và 100 VND thuế).
- Khoản thanh toán (Payment Entry):
 - Paid Amount: 1,100 VND (đã bao gồm 100 VND thuế).
- Hệ thống:
 - Tự động ghi nhận 100 VND vào tài khoản thuế và 1,000 VND vào doanh thu.

2. Không chọn "**Considered In Paid Amount**":

- Hóa đơn (Invoice):
 - Tổng cộng: 1,100 VND (bao gồm 1,000 VND tiền hàng và 100 VND thuế).
- Khoản thanh toán (Payment Entry):
 - Paid Amount: 1,000 VND (chỉ là số tiền gốc, không bao gồm thuế).
- Hệ thống:

- Chỉ ghi nhận 1,000 VND vào doanh thu, phần thuế 100 VND cần được xử lý riêng trong một bút toán khác.

Ứng dụng thực tế

- **Khi nào nên chọn tùy chọn này?**

- Khi số tiền thanh toán của khách hàng hoặc nhà cung cấp luôn bao gồm thuế.
- Đơn giản hóa việc ghi nhận thanh toán và tự động phân bổ số tiền thuế vào tài khoản thuế.

- **Khi nào không nên chọn tùy chọn này?**

- Khi bạn cần tách riêng phần thanh toán tiền hàng và thuế để quản lý hoặc báo cáo riêng biệt.

So sánh giữa "Tax Included in Basic Rate" và "Considered In Paid Amount"

Đặc điểm	Tax Included in Basic Rate	Considered In Paid Amount
Ý nghĩa	Thuế đã được bao gồm trong giá cơ bản của sản phẩm/dịch vụ.	Thuế đã được bao gồm trong số tiền thanh toán của khách hàng.
Phạm vi áp dụng	Áp dụng khi định giá sản phẩm/dịch vụ.	Áp dụng khi xử lý thanh toán (Payment Entry).
Cách thức hoạt động	Nếu được chọn, số tiền thuế được tính là một phần của giá sản phẩm/dịch vụ (Print Rate/Amount).	Nếu được chọn, số tiền thuế được coi là đã được khách hàng thanh toán trong hóa đơn.
Tác động đến giao dịch	Giá sản phẩm hiển thị đã bao gồm thuế, không cần cộng thuế riêng.	Số tiền thanh toán từ khách hàng sẽ bao gồm luôn cả phần thuế.
Ví dụ sử dụng	Tax Included in Basic Rate: Một sản phẩm được niêm yết giá là 100, và giá này đã bao gồm thuế VAT. Hệ thống tự động tách thuế ra khi ghi nhận.	Considered In Paid Amount: Một hóa đơn tổng cộng là 110 (bao gồm thuế). Khi nhận thanh toán 110, hệ thống hiểu rằng số tiền này đã bao gồm cả phần thuế.

Điểm khác biệt chính:

- **"Tax Included in Basic Rate"**: Liên quan đến cách tính và trình bày giá bán của sản phẩm/dịch vụ.
- **"Considered In Paid Amount"**: Liên quan đến cách xử lý thuế trong các khoản thanh toán nhận được từ khách hàng.

1. Tax Included in Basic Rate

- **Ý nghĩa:** Thuế được tính là đã bao gồm trong giá cơ bản (giá niêm yết) của sản phẩm/dịch vụ.
- **Khi nào sử dụng:**
 - Khi bạn bán sản phẩm/dịch vụ với giá niêm yết mà khách hàng nhìn thấy đã bao gồm thuế.
 - Ví dụ: Bạn bán một sản phẩm giá 110. Giá này đã bao gồm thuế VAT 10%. Hệ thống sẽ tự động tách thuế ra (thuế là 10, giá cơ bản là 100).

- **Cách hoạt động:**

- Khi tạo hóa đơn, hệ thống sẽ tính toán phần thuế đã nằm trong giá bán và ghi nhận đúng số tiền thuế cùng giá trị thực của sản phẩm.
-

2. Considered In Paid Amount

- **Ý nghĩa:** Số tiền thanh toán từ khách hàng được coi là đã bao gồm thuế.

- **Khi nào sử dụng:**

- Khi bạn muốn xử lý thanh toán một cách trực tiếp, không cần phải cộng thêm thuế vào giá thanh toán.
- Ví dụ: Tổng tiền thanh toán mà khách hàng gửi là 110 (bao gồm cả thuế 10). Hệ thống sẽ hiểu rằng 10 trong 110 này là thuế và sẽ ghi nhận đúng số tiền thuế đã thanh toán.

- **Cách hoạt động:**

- Trong quá trình thanh toán (Payment Entry), VHTerp sẽ ghi nhận rằng phần thuế đã nằm trong số tiền thanh toán, không cần ghi thêm dòng riêng biệt cho thuế.
-

Khi chọn cả hai tùy chọn

- **Ý nghĩa:**

- Thuế được bao gồm cả trong giá niêm yết của sản phẩm (Tax Included in Basic Rate).
- Khi khách hàng thanh toán, thuế cũng được coi là đã nằm trong tổng số tiền thanh toán (Considered In Paid Amount).

- **Ví dụ:**

- Bạn bán một sản phẩm với giá 110, giá này đã bao gồm thuế (Tax Included in Basic Rate). Khách hàng thanh toán đúng 110, và hệ thống sẽ hiểu rằng số tiền này đã bao gồm thuế (Considered In Paid Amount).

- **Lợi ích:**

- Thích hợp cho các trường hợp đơn giản hóa việc thanh toán, giá niêm yết đã bao gồm thuế, và khách hàng chỉ cần thanh toán đúng số tiền ghi trên hóa đơn.
-

Kết luận

- Nếu chỉ **Tax Included in Basic Rate**: Dùng khi muốn tách thuế ra từ giá bán.
- Nếu chỉ **Considered In Paid Amount**: Dùng khi quản lý thanh toán và thuế trực tiếp trong khoản nhận.

Tax Amount After Discount
Amount - Tiền thuế sau khi
áp dụng chiết khấu

Actual - Giá trị thực tế của sản phẩm

- **Giải thích:** Khi chọn **Actual**, số thuế sẽ được tính dựa trên giá trị thực tế của dòng sản phẩm hoặc dịch vụ đó.
- **Cách tính:** Thuế sẽ được tính dựa trên giá trị của mặt hàng hoặc dịch vụ mà bạn đã nhập vào, không liên quan đến các yếu tố khác như tổng giá trị của hóa đơn hoặc chiết khấu.
- **Ví dụ:** Nếu bạn bán một sản phẩm có giá 100.000 VNĐ và thuế VAT là 10%, thuế được tính là 10% của 100.000 VNĐ, tức là 10.000 VNĐ.

On Net Total - giá trị của tổng các sản phẩm sau chiết khấu

- **Giải thích:** Khi chọn **On Net Total**, thuế sẽ được tính dựa trên **tổng giá trị của tất cả các sản phẩm trong hóa đơn (net total)** sau khi đã áp dụng chiết khấu.
- **Cách tính:** Thuế sẽ được tính trên tổng giá trị của tất cả các mặt hàng trong hóa đơn sau khi chiết khấu được áp dụng. Nếu có nhiều mặt hàng và chiết khấu, thuế sẽ được tính trên tổng giá trị sau chiết khấu.
- **Ví dụ:** Nếu tổng giá trị của hóa đơn sau chiết khấu là 500.000 VNĐ và thuế VAT là 10%, thuế được tính là 10% của 500.000 VNĐ, tức là 50.000 VNĐ.

On Previous Row Amount - Số tiền của dòng trước đó.

- **Giải thích:** Khi chọn **On Previous Row Amount**, thuế sẽ được tính trên **số tiền của dòng trước đó**.
- **Cách tính:** Thuế sẽ được tính dựa trên số tiền của dòng trước trong hóa đơn. Điều này có thể hữu ích khi bạn muốn áp dụng thuế cho các dịch vụ hoặc phí dựa trên số tiền của mặt hàng trước đó.
- **Ví dụ:** Giả sử bạn có hai dòng trong hóa đơn: một là sản phẩm có giá trị 100.000 VNĐ và một dịch vụ với giá trị 50.000 VNĐ. Nếu bạn áp dụng thuế cho dòng dịch vụ này dựa trên giá trị của dòng sản phẩm trước đó (100.000 VNĐ), thuế sẽ được tính là 10% của 100.000 VNĐ, tức là 10.000 VNĐ.

On Previous Row Total - Tổng giá trị của dòng trước đó

- **Giải thích:** Khi chọn **On Previous Row Total**, thuế sẽ được tính trên **tổng giá trị của dòng trước đó**, tức là tổng giá trị của mặt hàng hoặc dịch vụ đã bao gồm các yếu tố như chiết khấu hoặc các khoản phí phụ thêm.
- **Cách tính:** Thuế sẽ được tính trên tổng giá trị của dòng trước đó, đã bao gồm bất kỳ chiết khấu hoặc phí nào.
- **Ví dụ:** Nếu dòng sản phẩm trước có tổng giá trị sau chiết khấu là 120.000 VNĐ, thuế sẽ được tính là 10% của 120.000 VNĐ, tức là 12.000 VNĐ.

On Item Quantity - Số lượng mặt hàng

- **Giải thích:** Khi chọn **On Item Quantity**, thuế sẽ được tính dựa trên **số lượng mặt hàng** trong hóa đơn, thay vì giá trị của mặt hàng.
- **Cách tính:** Thuế sẽ được tính dựa trên số lượng sản phẩm trong hóa đơn, với một mức thuế cụ thể cho mỗi sản phẩm.
- **Ví dụ:** Nếu bạn bán 10 sản phẩm và mỗi sản phẩm có thuế là 10.000 VNĐ, thì thuế sẽ được tính là $10.000 \text{ VNĐ} \times 10 \text{ sản phẩm} = 100.000 \text{ VNĐ}$.

Sales Taxes and Charges ->

Actual: Tính thuế trên giá trị thực tế của sản phẩm

Giải thích: Thuế được tính trên giá trị thực tế của sản phẩm hoặc dịch vụ.

Ví dụ thực tế:

- Bạn bán 1 chiếc ghế với giá 1.000.000 VNĐ.
- Thuế suất VAT là 10%.

Tính toán thuế:

- Thuế = 1.000.000 VNĐ * 10% = 100.000 VNĐ.

Trong trường hợp này, thuế được tính trực tiếp trên giá trị của mặt hàng bán ra (giá bán của chiếc ghế).

Sales Taxes and Charges -> On Net Total: Thuế được tính trên tổng giá trị của tất cả các mặt hàng

Giải thích: Thuế được tính trên tổng giá trị của tất cả các mặt hàng trong hóa đơn sau khi áp dụng chiết khấu.

Ví dụ thực tế:

- Bạn có 3 mặt hàng trong hóa đơn:
 - Mặt hàng 1: 2.000.000 VNĐ
 - Mặt hàng 2: 1.500.000 VNĐ
 - Mặt hàng 3: 1.000.000 VNĐ
- Tổng giá trị hóa đơn trước chiết khấu: 4.500.000 VNĐ.
- Chiết khấu áp dụng: 10% (450.000 VNĐ).
- Tổng giá trị sau chiết khấu: $4.500.000 \text{ VNĐ} - 450.000 \text{ VNĐ} = 4.050.000 \text{ VNĐ}$.
- Thuế suất VAT là 10%.

Tính toán thuế:

- Thuế = $4.050.000 \text{ VNĐ} \times 10\% = 405.000 \text{ VNĐ}$.

Thuế được tính trên tổng giá trị sau chiết khấu (net total), tức là 4.050.000 VNĐ, không phải trên giá trị ban đầu.

Sales Taxes and Charges -> On Previous Row Amount: Thuế được tính dựa trên số tiền của dòng trước

"**On Previous Row Amount**", hệ thống sẽ tính thuế cho dòng hiện tại (dòng B) dựa trên số tiền của dòng trước (dòng A), bao gồm cả giá trị của thuế đã được tính trên dòng trước.

Ví dụ thực tế:

Giả sử bạn có 2 mặt hàng trong hóa đơn:

- **Mặt hàng A:** Giá trị là 1.000.000 VNĐ, thuế suất VAT là 10%.
- **Mặt hàng B:** Giá trị là 2.000.000 VNĐ, bạn muốn tính thuế cho mặt hàng này dựa trên số tiền của mặt hàng A (bao gồm thuế).

Bước 1: Tính thuế cho Mặt hàng A

- Giá trị của mặt hàng A = 1.000.000 VNĐ.
- Thuế VAT cho Mặt hàng A = $1.000.000 \text{ VNĐ} \times 10\% = 100.000 \text{ VNĐ}$.
- Tổng giá trị của Mặt hàng A (bao gồm thuế) = $1.000.000 \text{ VNĐ} + 100.000 \text{ VNĐ} = 1.100.000 \text{ VNĐ}$.

Bước 2: Tính thuế cho Mặt hàng B (dựa trên "On Previous Row Amount")

Khi bạn sử dụng "**On Previous Row Amount**", hệ thống sẽ tính thuế cho **Mặt hàng B** dựa trên tổng số tiền của Mặt hàng A (bao gồm thuế).

- Tổng số tiền của Mặt hàng A (bao gồm thuế) = 1.100.000 VNĐ.

- Thuế VAT cho Mặt hàng B = $1.100.000 \text{ VNĐ} * 10\% = 110.000 \text{ VNĐ}$.

Kết quả:

- Thuế cho Mặt hàng B sẽ là 110.000 VNĐ, vì thuế được tính dựa trên tổng số tiền của dòng trước đó (dòng A, bao gồm cả thuế).

Sales Taxes and Charges -> On Previous Row Total: Thuế được tính dựa trên tổng giá trị của dòng trước (bao gồm chiết khấu hoặc các phí khác nếu có).

Giải thích: Thuế được tính dựa trên tổng giá trị của dòng trước (bao gồm chiết khấu hoặc các phí khác nếu có).

Ví dụ thực tế:

- Bạn có 2 dòng trong hóa đơn:
 - Dòng 1: Mặt hàng A, giá trị 1.500.000 VNĐ.
 - Dòng 2: Mặt hàng B, giá trị 2.000.000 VNĐ, có chiết khấu 10% (200.000 VNĐ).
- Tổng giá trị dòng 1 là 1.500.000 VNĐ.
- Tổng giá trị dòng 2 sau chiết khấu là 2.000.000 VNĐ - 200.000 VNĐ = 1.800.000 VNĐ.
- Thuế suất VAT là 10%.

Tính toán thuế:

- Thuế cho dòng 2 = 1.500.000 VNĐ (tổng giá trị của dòng 1) * 10% = 150.000 VNĐ.

Thuế của dòng 2 được tính dựa trên tổng giá trị của dòng 1, bao gồm chiết khấu và phí.

Sales Taxes and Charges -> On Item Quantity: Thuế được tính dựa trên số lượng sản phẩm bán ra.

Giải thích: Thuế được tính dựa trên số lượng sản phẩm bán ra.

Ví dụ thực tế:

- Bạn bán 3 chiếc bàn với giá 2.000.000 VNĐ mỗi chiếc.
- Tổng giá trị của các mặt hàng là $3 * 2.000.000 \text{ VNĐ} = 6.000.000 \text{ VNĐ}$.
- Thuế suất VAT là 10%.
- Thuế được tính trên số lượng sản phẩm.

Tính toán thuế:

- Thuế cho mỗi sản phẩm = 10% của 2.000.000 VNĐ = 200.000 VNĐ.
- Thuế cho tổng số lượng 3 chiếc bàn = $200.000 \text{ VNĐ} * 3 = 600.000 \text{ VNĐ}$.

On Previous Row Amount và On Previous Row Total

- **On Previous Row Amount:** Thuế sẽ được tính dựa trên **số tiền của mặt hàng trước đó** (bao gồm cả giá trị của mặt hàng và thuế đã được tính).
- **On Previous Row Total:** Thuế sẽ được tính dựa trên **tổng số tiền của dòng trước đó**, bao gồm cả giá trị của mặt hàng và thuế. Điều này tương tự với "Amount", nhưng có thể có sự khác biệt nếu bạn thay đổi cách tính hay có các yếu tố khác tác động vào tổng tiền dòng trước.

Giải thích thêm:

1. **"On Previous Row Amount"** sẽ tính thuế **dựa trên số tiền chưa bao gồm thuế** của dòng trước đó. Ví dụ, nếu dòng trước có một mặt hàng với giá trị là 1.000.000 VNĐ và thuế là 100.000 VNĐ, số tiền **dùng để tính thuế** sẽ là **số tiền gốc** của mặt hàng A là 1.000.000 VNĐ (chưa tính thuế).
2. **"On Previous Row Total"** sẽ tính thuế **dựa trên tổng số tiền của dòng trước**, bao gồm cả giá trị của mặt hàng và thuế. Do đó, tổng số tiền của dòng A sẽ là 1.100.000 VNĐ (gồm giá trị mặt hàng và thuế), và thuế cho dòng B sẽ được tính trên số tiền này.

Ví dụ thực tế để so sánh:

Giả sử:

- **Mặt hàng A:** Giá trị = 1.000.000 VNĐ, Thuế VAT = 10% (100.000 VNĐ)
- **Mặt hàng B:** Giá trị = 2.000.000 VNĐ.

1. Dùng "On Previous Row Amount":

- Tổng tiền của **Mặt hàng A** = 1.000.000 VNĐ (chưa tính thuế).
- Thuế cho **Mặt hàng B** sẽ được tính trên 1.000.000 VNĐ (tức là giá trị chưa có thuế của Mặt hàng A).
- Thuế VAT cho Mặt hàng B = $1.000.000 \text{ VNĐ} \times 10\% = 100.000 \text{ VNĐ}$.

2. Dùng "On Previous Row Total":

- Tổng tiền của **Mặt hàng A** = 1.000.000 VNĐ (giá trị của mặt hàng) + 100.000 VNĐ (thuế) = 1.100.000 VNĐ.
- Thuế cho **Mặt hàng B** sẽ được tính trên 1.100.000 VNĐ (tức là tổng tiền của Mặt hàng A, bao gồm thuế).
- Thuế VAT cho Mặt hàng B = 1.100.000 VNĐ * 10% = 110.000 VNĐ.

Tóm tắt:

- "**On Previous Row Amount**" tính thuế dựa trên số tiền **chưa có thuế** của dòng trước.
- "**On Previous Row Total**" tính thuế dựa trên **tổng số tiền đã bao gồm thuế** của dòng trước.

Ví dụ thực tế : Sales Taxes and Charges

1. Actual

Ví dụ: Bạn mua một chiếc máy tính với giá 10.000.000 VNĐ và thuế VAT 10%. Thuế được tính trực tiếp và chính xác trên giá trị của chiếc máy tính.

- **Giải thích:** Thuế tính trực tiếp trên giá trị của mặt hàng mà không thay đổi gì. Tổng giá trị phải trả là 10.000.000 VNĐ + 1.000.000 VNĐ thuế = 11.000.000 VNĐ.

2. On Net Total

Ví dụ: Bạn mua một chiếc sofa với giá 15.000.000 VNĐ, nhưng cửa hàng có khuyến mãi giảm giá 10% cho sofa. Sau khi giảm giá, giá trị mặt hàng còn lại là 13.500.000 VNĐ. Thuế VAT 10% sẽ được tính trên **giá trị sau giảm giá** (13.500.000 VNĐ).

- **Giải thích:** Thuế được tính trên **tổng số tiền sau khi áp dụng mọi giảm giá**. Trong ví dụ này, thuế sẽ được tính trên 13.500.000 VNĐ, không phải 15.000.000 VNĐ ban đầu.

3. On Previous Row Amount(ít dùng ở Việt Nam)

Ví dụ: Bạn mua một chiếc ghế với giá 5.000.000 VNĐ. Sau đó, bạn mua thêm một chiếc bàn với giá 7.000.000 VNĐ. Giả sử thuế VAT cho chiếc ghế là 10%, khi bạn mua bàn, thuế cho bàn sẽ được tính dựa trên giá trị của chiếc ghế (5.000.000 VNĐ).

- **Giải thích:** Thuế sẽ được tính dựa trên giá trị của dòng trước đó. Trong ví dụ này, thuế cho chiếc bàn được tính dựa trên **giá trị của chiếc ghế** trước đó (5.000.000 VNĐ).

4. On Previous Row Total(ít dùng ở Việt Nam)

Ví dụ: Bạn mua một chiếc TV với giá 20.000.000 VNĐ và thuế VAT 10%. Sau đó, bạn mua thêm một chiếc máy giặt với giá 12.000.000 VNĐ. Khi tính thuế cho máy giặt, thuế sẽ được tính dựa trên **tổng giá trị của chiếc TV và thuế**.

- **Giải thích:** Thuế cho mặt hàng sau sẽ được tính dựa trên **tổng giá trị của dòng trước**, tức là tổng tiền của chiếc TV (20.000.000 VNĐ) cộng với thuế (2.000.000 VNĐ). Tổng của dòng trước là 22.000.000 VNĐ, và thuế cho chiếc máy giặt sẽ được tính trên số tiền này.

5. On Item Quantity

Ví dụ: Bạn mua 3 chiếc áo với giá mỗi chiếc là 200.000 VNĐ và thuế VAT là 10%. Thuế sẽ được tính dựa trên **số lượng sản phẩm**.

- **Giải thích:** Thuế sẽ được tính trên **số lượng mặt hàng**. Trong ví dụ này, bạn mua 3 chiếc áo với giá mỗi chiếc là 200.000 VNĐ, tổng giá trị là 600.000 VNĐ, và thuế sẽ được tính trên số lượng (3 chiếc áo). Thuế VAT cho mỗi chiếc áo là 20.000 VNĐ, vì vậy thuế tổng cộng sẽ là $20.000 \text{ VNĐ} \times 3 = 60.000 \text{ VNĐ}$.

Tóm tắt cách sử dụng các tùy chọn:

- **Actual:** Thuế tính trực tiếp trên giá trị của sản phẩm.
- **On Net Total:** Thuế tính trên tổng số tiền sau khi giảm giá.
- **On Previous Row Amount:** Thuế tính dựa trên giá trị của mặt hàng trước đó (không bao gồm thuế).
- **On Previous Row Total:** Thuế tính dựa trên tổng số tiền của mặt hàng trước, bao gồm cả thuế.
- **On Item Quantity:** Thuế tính dựa trên số lượng sản phẩm.

Apply Tax Withholding Amount - Thuế khấu trừ tại nguồn

Apply Tax Withholding Amount trong **VHTerp** là một tùy chọn liên quan đến việc áp dụng thuế khấu trừ tại nguồn (Withholding Tax) khi tạo hóa đơn mua (Purchase Invoice) hoặc thanh toán (Payment Entry).

Giải thích chi tiết:

1. Thuế khấu trừ tại nguồn là gì?

- Thuế khấu trừ tại nguồn là khoản thuế mà người mua hoặc bên chi trả giữ lại từ tổng số tiền thanh toán cho nhà cung cấp hoặc đối tác, và sau đó nộp khoản này cho cơ quan thuế thay mặt cho nhà cung cấp.
- Điều này thường áp dụng cho các giao dịch mua dịch vụ hoặc hàng hóa theo quy định của từng quốc gia.

2. Mục đích của tùy chọn "Apply Tax Withholding Amount":

- Nếu bật tùy chọn này, **VHTerp** sẽ tự động tính toán và áp dụng số tiền thuế khấu trừ dựa trên tỷ lệ thuế đã thiết lập.
- Số tiền thuế khấu trừ sẽ được khấu trừ từ tổng số tiền phải trả cho nhà cung cấp và được ghi nhận riêng biệt trong sổ cái.

3. Cách hoạt động:

- Khi tạo hóa đơn mua (Purchase Invoice) hoặc bút toán thanh toán (Payment Entry), **VHTerp** sẽ:
 - Tính toán số tiền thuế khấu trừ dựa trên tỷ lệ thuế khấu trừ đã được thiết lập trong **Tax Withholding Category**.
 - Trừ số tiền này khỏi tổng số tiền thanh toán cho nhà cung cấp.
 - Ghi nhận số tiền thuế khấu trừ vào một tài khoản thuế khấu trừ (Withholding Tax Account) trong sổ cái.
-

Ví dụ minh họa:

Tình huống:

Bạn mua dịch vụ từ nhà cung cấp với tổng giá trị là **10,000,000 VND**.
Theo quy định, thuế khấu trừ tại nguồn là **10%**.

Các bước thực hiện:

- Trong **VHTerp**, bật tùy chọn **Apply Tax Withholding Amount** khi tạo **Purchase Invoice**.
$$\text{Thuế khấu trừ} = 10,000,000 \times 10\% = 1,000,000 \text{ VND}$$
- Số tiền thanh toán cho nhà cung cấp sẽ là:
$$\text{Số tiền thanh toán} = 10,000,000 - 1,000,000 = 9,000,000 \text{ VND}$$
- Số tiền **1,000,000 VND** được ghi nhận vào tài khoản thuế khấu trừ.

Hóa đơn sẽ hiển thị:

Mô tả	Số tiền (VND)
Giá trị dịch vụ	10,000,000
Thuế khấu trừ (10%)	-1,000,000
Tổng phải trả	9,000,000

Cách thiết lập trong VHTerp:

- Thiết lập Tax Withholding Category:**
 - Vào module **Accounts > Tax Withholding Category**.
 - Tạo một loại thuế khấu trừ và chỉ định tỷ lệ phần trăm áp dụng.
- Khi tạo Purchase Invoice:**
 - Chọn **Tax Withholding Category** tương ứng.
 - Bật tùy chọn **Apply Tax Withholding Amount**.

Lợi ích:

- Tuân thủ quy định pháp luật:** Đảm bảo thuế khấu trừ được hạch toán chính xác theo quy định.
- Tự động hóa:** Giảm sai sót khi tính toán thủ công.
- Quản lý tài chính:** Ghi nhận đầy đủ các khoản thuế khấu trừ vào tài khoản liên quan.

Tax Deducted at Source(TDS) - Thuế Khấu Trừ tại Nguồn

Thuế Khấu Trừ tại Nguồn (Tax Deducted at Source - TDS) trong các giao dịch như **Purchase Invoice** hoặc **Payment Entry**. TDS thường được áp dụng khi bạn thanh toán cho nhà cung cấp hoặc đối tác và phải khấu trừ thuế từ số tiền thanh toán theo quy định pháp luật.

Giải thích chi tiết:

1. TDS là gì?

- TDS là một loại thuế mà người trả tiền (bên mua) khấu trừ trực tiếp từ số tiền thanh toán cho nhà cung cấp (bên bán) và nộp lại cho cơ quan thuế.
- Điều này đảm bảo rằng thuế được thu ngay tại nguồn và nhà cung cấp sẽ nhận được số tiền sau khi đã trừ thuế.

2. Tùy chọn **Apply TDS** trong **VHTerp**:

- Khi bật **Apply TDS**, **VHTerp** sẽ tự động tính toán và khấu trừ thuế từ số tiền thanh toán theo mức TDS đã cấu hình.
 - TDS được ghi nhận vào một tài khoản thuế cụ thể và số tiền thanh toán ròng (Net Payment) được giảm tương ứng.
-

Cách hoạt động:

1. Cấu hình TDS trong **VHTerp**:

- Đầu tiên, bạn cần cấu hình **TDS Tax Category** và các mức thuế áp dụng trong module **Accounting > Tax Rule**.
- Xác định tài khoản thuế TDS trong **Chart of Accounts**.

2. Trong giao dịch **Purchase Invoice** hoặc **Payment Entry**:

- Khi bạn bật **Apply TDS**, **VHTerp** sẽ áp dụng TDS trên tổng số tiền (hoặc theo cấu hình cụ thể).
 - Số tiền khấu trừ sẽ được ghi nhận vào tài khoản thuế TDS, và số tiền thanh toán ròng sẽ là tổng số tiền sau khi trừ thuế.
-

Ví dụ thực tế:

Tình huống:

- Bạn thanh toán cho nhà cung cấp số tiền **100,000 VND**.
- Theo quy định pháp luật, TDS là **10%**.

Quy trình:

- Tổng tiền hóa đơn (Invoice Total): **100,000 VND**.
- TDS khấu trừ: **10,000 VND**.
- Số tiền thanh toán thực tế cho nhà cung cấp (Net Payment): **90,000 VND**.
- VHTerp** sẽ ghi nhận:
 - 90,000 VND** vào tài khoản tiền mặt hoặc ngân hàng.
 - 10,000 VND** vào tài khoản thuế TDS.

Lợi ích của TDS:

- Tuân thủ pháp luật:** Đảm bảo rằng thuế được khấu trừ và nộp đúng quy định.
- Tự động hóa:** Giảm sai sót trong tính toán và ghi nhận thuế.
- Quản lý dễ dàng:** Ghi nhận và theo dõi các khoản thuế TDS một cách hiệu quả trong hệ thống kế toán.

Liên quan đến các trường khác trong VHTerp:

- Tax Withholding:** Là một phần của TDS, áp dụng khi thanh toán quốc tế hoặc giao dịch lớn.
- Distributed Discount Amount:** Nếu có giảm giá trước khi tính thuế, số tiền TDS sẽ dựa trên tổng tiền đã giảm giá.

Advance Taxes and Charges

- Thuế và chi phí liên quan đến các khoản tiền tạm ứng

Advance Taxes and Charges trong **Payment Entry** của **VHTerp** là một phần được sử dụng để ghi nhận và quản lý các khoản thuế và chi phí liên quan đến các khoản tiền tạm ứng (Advance Payment) mà bạn nhận hoặc thanh toán trước khi thực hiện giao dịch chính thức (như hóa đơn mua hàng hoặc bán hàng).

Ý nghĩa của Advance Taxes and Charges:

1. Quản lý thuế và chi phí tạm ứng:

- Khi khách hàng hoặc nhà cung cấp thực hiện một khoản thanh toán tạm ứng, các loại thuế và chi phí liên quan cần được tính toán, ghi nhận đúng cách để đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

2. Tuân thủ quy định kế toán và thuế:

- Một số quốc gia yêu cầu thuế VAT hoặc các loại thuế khác phải được nộp hoặc ghi nhận ngay khi nhận/chi trả tiền tạm ứng, thay vì chờ hóa đơn chính thức.

3. Tự động phân bổ thuế:

- Khi thanh toán tạm ứng, phần mềm tự động tính toán và phân bổ thuế dựa trên các loại thuế đã được cấu hình, giúp giảm thiểu sai sót trong kế toán.
-

Thành phần của Advance Taxes and Charges:

Khi bạn mở phần **Advance Taxes and Charges** trong **Payment Entry**, bạn sẽ thấy các trường sau:

1. **Type (Loại):**

- Quy định cách tính thuế/chi phí, tương tự như trong **Sales Taxes and Charges** hoặc **Purchase Taxes and Charges** (Actual, On Net Total, v.v.).

2. **Account Head (Tài khoản thuế):**

- Tài khoản kế toán để ghi nhận thuế/chi phí liên quan đến khoản tạm ứng.

3. **Rate (Thuế suất):**

- Tỷ lệ phần trăm áp dụng cho khoản tạm ứng.

4. **Amount (Giá trị thuế):**

- Giá trị thực tế của thuế hoặc chi phí được tính toán.
-

Ví dụ thực tế:

Tình huống:

- Công ty A nhận một khoản tạm ứng 50,000,000 VND từ khách hàng cho một đơn hàng.
- Thuế VAT được áp dụng là 10%.

Cách tính:

1. **Thuế VAT:**

- 10% của 50,000,000 = 5,000,000 VND.

2. **Ghi nhận:**

- **Advance Amount (Số tiền tạm ứng):** 50,000,000 VND.
- **Advance Taxes and Charges (Thuế tạm ứng):** 5,000,000 VND.

Khi xuất hóa đơn chính thức:

- Khoản thuế 5,000,000 VND đã được ghi nhận trước đó sẽ được khấu trừ khỏi thuế phải nộp trong hóa đơn.
-

Cách áp dụng trong VHTerp:

1. Khi tạo **Payment Entry**, chọn **Advance Payment** làm **Payment Type**.
2. Điền thông tin về khoản thanh toán tạm ứng.
3. Mở tab **Advance Taxes and Charges** và thêm các loại thuế/chi phí liên quan:

- Chọn **Type** và **Account Head**.
- Nhập **Rate** hoặc **Actual Amount**.

4. **VHTerp** sẽ tự động tính toán và ghi nhận các khoản thuế tạm ứng.

Ứng dụng tại Việt Nam:

Tại Việt Nam, việc ghi nhận thuế trên các khoản tạm ứng phụ thuộc vào quy định của pháp luật, đặc biệt là thuế VAT. Ví dụ:

- Thuế VAT trên tiền tạm ứng thường phải được xuất hóa đơn và ghi nhận ngay khi nhận khoản tạm ứng.

VHTerp hỗ trợ doanh nghiệp tự động quản lý và tính toán các khoản thuế này, giúp tuân thủ quy định và giảm khối lượng công việc kế toán.

□ □
□ □

40

□

Được tính vào số tiền đã thanh toán(Considered In Paid Amount)

Nếu được chọn, số tiền thuế sẽ được coi là đã bao gồm trong số tiền đã thanh toán trong **Bút toán thanh toán**

Giải thích

Trong VHTerp, khi bạn ghi nhận một khoản thanh toán bằng **Bút toán thanh toán**, có thể xảy ra hai trường hợp:

1. Thuế đã bao gồm trong số tiền thanh toán

- Ví dụ: Bạn thanh toán 1.100.000 VND cho một hóa đơn có thuế VAT 10%.
- Nếu **tùy chọn này được chọn**, VHTerp sẽ hiểu rằng số tiền 1.100.000 VND **đã bao gồm thuế** (trong đó 1.000.000 VND là giá trị hàng hóa/dịch vụ và 100.000 VND là thuế).
- Khi đó, VHTerp sẽ không yêu cầu thanh toán thêm cho phần thuế.

2. Thuế chưa bao gồm trong số tiền thanh toán

- Nếu **tùy chọn này không được chọn**, VHTerp sẽ hiểu rằng số tiền 1.100.000 VND là **chỉ dành cho hàng hóa/dịch vụ**, còn thuế **phải thanh toán riêng**.

Ví dụ thực tế

☒ Trường hợp 1: Đã bao gồm thuế (Tùy chọn này được chọn ☒)

- Bạn nhận được một hóa đơn từ nhà cung cấp:
 - Tổng tiền hàng: **1.000.000 VND**
 - Thuế VAT 10%: **100.000 VND**
 - Tổng thanh toán: **1.100.000 VND**
- Bạn tạo một **Bút toán thanh toán** và nhập số tiền **1.100.000 VND**.

- Vì tùy chọn này được bật, VHTerp sẽ tự động hiểu rằng **100.000 VND thuế đã được thanh toán**.

☐ Trường hợp 2: Thuế chưa bao gồm (Tùy chọn này không được chọn ☐)

- Bạn nhập số tiền thanh toán **1.000.000 VND** trong **Bút toán thanh toán**
 - VHTerp sẽ hiểu rằng **thuế 100.000 VND chưa được thanh toán** và vẫn hiển thị số tiền thuế cần thanh toán.
-

Khi nào nên chọn tùy chọn này?

☐ Chọn tùy chọn này nếu:

- Bạn làm việc với hóa đơn đã bao gồm thuế trong tổng số tiền thanh toán.
- Bạn không muốn phải nhập riêng phần thuế trong **Bút toán thanh toán**

☐ Không chọn nếu:

- Bạn muốn theo dõi thuế như một khoản thanh toán riêng biệt.
- Bạn cần đảm bảo thuế được ghi nhận chính xác trong các tài khoản kế toán.